

Bản án số: 03/2019/ KDTM-ST
Ngày 17 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Trước.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 13/ 2018/ TLST- KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2018, về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M.

Địa chỉ: Số 25 Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H là Dương Thị Hải L – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ.

-Bi đơn: Công ty TNHH L

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Giám đốc.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1959

2/ Chị Nguyễn Hoàng Diệu H, sinh năm: 1997

3/ Chị Nguyễn Hoàng Thanh H, sinh năm: 1997

4/ Chị Nguyễn Hoàng Minh H, sinh năm: 1997

5/ Chị Nguyễn Hoàng Thảo T, sinh năm: 1990
Cùng địa chỉ: Số 198A/ 15, ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L.
Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Hoàng Diệu H, Nguyễn Hoàng Thanh H, Nguyễn Hoàng Minh H, Nguyễn Hoàng Thảo T là ông Nguyễn Văn M (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2019).

6/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1961(Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 143, ấp H, xã A, thành phố L, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M có chị Dương Thị Hải L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M – Chi nhánh L đã cho Công ty TNHH L vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức như sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3389/17/HĐTDHM-DN/213 ngày 02/03/2017 kèm theo các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/47 ngày 26/02/2018, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng, lãi suất 8,2%/năm, ngày đến hạn 26/8/2018.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/48 ngày 27/02/2018, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng, lãi suất 9,2%/năm, ngày đến hạn 27/8/2018.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/49 ngày 01/03/2018, số tiền giải ngân 1.530.000.000 đồng, lãi suất 8,7%/năm, ngày đến hạn 01/9/2018.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/50 ngày 01/03/2018, số tiền giải ngân 500.000.000 đồng, lãi suất 9,2%/năm, ngày đến hạn 01/9/2018.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/51 ngày 02/03/2018, số tiền giải ngân 2.420.000.000 đồng, lãi suất 8,7%/năm, ngày đến hạn 02/9/2018.

Tổng số tiền dư nợ giải ngân là 8.450.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05998/18MN/HĐTD ngày 29/03/2018 kèm theo các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/06 ngày 04/7/2018, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng, lãi suất 10,83%/năm, ngày đến hạn 04/01/2019.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/07 ngày 06/7/2018, số tiền giải ngân 3.000.000.000 đồng, lãi suất 10,83%/năm, ngày đến hạn 06/01/2019.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/08 ngày 09/7/2018, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng, lãi suất 10,83%/năm, ngày đến hạn 09/01/2019.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/09 ngày 10/7/2018, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng, lãi suất 10,83%/năm, ngày đến hạn 10/01/2019.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/10 ngày 11/7/2018, số tiền giải ngân 1.000.000.000 đồng, lãi suất 10,83%/năm, ngày đến hạn 11/01/2019.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/11 ngày 12/7/2018, số tiền giải ngân 1.550.000.000 đồng, lãi suất 10,83%/năm, ngày đến hạn 12/01/2019.

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/12 ngày 19/7/2018, số tiền giải ngân 3.000.000.000 đồng, lãi suất 11,33%/năm, ngày đến hạn 19/01/2019.

Tổng tiền dư nợ giải ngân là 14.550.000.000 đồng.

Tổng dư nợ cho vay của hai hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên là 23.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất chế biến kinh doanh ngành gạo

Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất được cố định trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bên nhận nợ nhận tiền vay. Sau thời hạn nêu trên, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất cho vay của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo được tính như sau:

Lãi suất cho vay của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất cơ sở + Biên độ cho vay 3,1%/năm hoặc theo quy định của HDBank tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho khoản vay của các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty TNHH L, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M, hộ ông Nguyễn Văn M đã thế chấp các bất động sản như sau:

-1. Bất động sản thửa đất số 97, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại Ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất, cấp ngày 18/11/2015 , do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng.

Tài sản này được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3094/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 tại phòng công chứng số 1, tỉnh L, số công chứng 1652, quyển số 01. Đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh L ngày 02/03/2017, số thứ tự 002317, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3094/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3095/17/HĐBĐ-213 ngày 02/3/2017.

-2. Bất động sản thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 26/08/2011, đăng ký thay đổi ngày 06/03/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-3. Bất động sản thửa đất số 2, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 26/08/2011, đăng ký thay đổi ngày 06/03/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-4. Bất động sản thửa đất số 467, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 26/08/2011, đăng ký thay đổi ngày 06/03/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-5. Bất động sản thửa đất số 498, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 12/06/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-6. Bất động sản thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 12/06/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-7. Bất động sản thửa đất số 1126, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 12/06/2012, đăng ký thay đổi ngày 19/07/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-8. Bất động sản thửa đất số 1298, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 12/06/2012, đăng ký thay đổi ngày 19/07/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-9. Bất động sản thửa đất số 1299, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 12/06/2012, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-10. Bất động sản thừa đất số 1332, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 21/06/2013; đăng ký thay đổi ngày 09/08/2013, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-11. Bất động sản thừa đất số 1333, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 21/06/2013, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-12. Bất động sản thừa đất số 1334 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 21/06/2013; đăng ký thay đổi ngày 09/08/2013, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-13. Bất động sản thừa đất số 1335 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, cấp ngày 21/06/2013, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

Các tài sản trên được thế chấp hợp pháp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3096/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 tại phòng công chứng số 1, tỉnh L, số công chứng 1651, quyển số 1; Đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh L ngày 02/03/2017, số thứ tự 002318, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 3096/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của khác số 3097/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 .

-14. Toàn bộ máy móc thiết bị bao gồm: Dây chuyền bóc tách vỏ lúa + dàn lò sấy lúa; Dây chuyền xát trắng đánh bóng gạo, thời điểm đưa vào sử dụng 2005; Dây chuyền xát trắng đánh bóng gạo, thời điểm đưa vào sử dụng 2010; Dây chuyền xát trắng đánh bóng gạo, thời điểm đưa vào sử dụng 2013 cụ thể tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị phương tiện vận tải số 3107/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 và phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng thế chấp. Toàn bộ máy móc thiết bị trên được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/03/2017, theo số đăng ký 1241516330.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty TNHH L trả nợ nhưng Công ty TNHH L vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M. Tính đến ngày 17/5/2019 Công ty TNHH L còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3389/17/HĐTDHM-DN/213 ngày 02/03/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05998/18MN/HĐTD ngày 29/03/2018 cùng các khế ước nhận nợ là:

- Nợ gốc : 22.999.999.425 đồng.

- Nợ lãi : 2.497.915.050 đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi là : 25.497.914.475 đồng

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M yêu cầu:

1. Buộc Công ty TNHH L phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M với tổng số tiền là: 25.497.914.475 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 22.999.999.425 đồng, nợ lãi: 2.497.915.050 đồng).

2. Buộc Công ty TNHH L phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M từ sau ngày 17/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M, thì yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp, theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ bao gồm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3094/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3094/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3095/17/HĐBĐ-213 ngày 02/3/2017,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3096/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3096/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3097/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017,

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị phương tiện vận tải số 3107/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 và 01 phụ lục đính kèm hợp đồng thế chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH L đối với Ngân hàng TMCP Phát triển

thành phố M.

-Bị đơn Công ty TNHH L có ông Nguyễn Văn M làm đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Văn M thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Tính thời điểm hiện tại Công ty TNHH L còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M số tiền nợ vay gốc là 22.999.999.425 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/5/2019 là 2.497.915.050 đồng. Công ty TNHH L đồng ý đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 25.497.914.475 đồng. Kể từ sau ngày 17/5/2019 Công ty TNHH L không đồng ý trả lãi.

Trường hợp không thanh toán nợ thì Công ty TNHH L đồng ý để cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Hoàng Diệu H, chị Nguyễn Hoàng Thanh H, chị Nguyễn Hoàng Minh H, chị Nguyễn Hoàng Thảo T. Có ông Nguyễn Văn M làm đại diện không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị M vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 17/5/2019 bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt.

-Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

-Chị Dương Thị Hải L trình bày: Yêu cầu Công ty TNHH L trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M số tiền gốc và lãi là: 25.497.914.475 đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp không thanh toán Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để cản trừ nợ.

-Ông Nguyễn Văn M đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/5/2019 là: 25.497.914.475 đồng, sau ngày 17/5/2019 Công ty TNHH L không đồng ý tiếp tục trả tiền lãi. Trường hợp không thanh toán Công ty TNHH L đồng ý để cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng bà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M yêu cầu Công ty TNHH L trả số tiền vay gốc 22.999.999.425 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/5/2019 là 2.497.915.050 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3389/17/HĐTDHM-DN/213 ngày 02/03/2017 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 05998/18MN/HĐTD ngày 29/03/2018 kèm theo các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M với Công ty TNHH L được ký kết trên cơ sở tự nguyện. Theo các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và lời thừa nhận của các bên thì Công ty TNHH L có vay của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M số tiền 23.000.000.000 đồng, mục đích vay để sung vốn lưu động sản xuất chế biến kinh doanh ngành gạo, về lãi suất và thời hạn trả nợ các bên đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 17/5/2019 Công ty TNHH L còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M 22.999.999.425 đồng tiền gốc và 2.497.915.050 đồng tiền lãi, Công ty TNHH L thừa nhận và đồng ý trả số nợ này. Do đó việc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M yêu cầu Công ty TNHH L trả số tiền gốc và tiền lãi là 25.497.914.475 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

[3] Kể từ sau ngày 17/5/2019 Công ty TNHH L còn phải trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cùng các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố M. Việc Công ty TNHH L không đồng ý trả tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 17/5/2019 là không có căn cứ.

[4]. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3094/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3094/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3095/17/HĐBĐ-213 ngày 02/3/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3096/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3096/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3097/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị phương tiện vận tải số 3107/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 và phụ lục 01 đính kèm hợp đồng thế chấp, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, hợp đồng đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Hợp đồng này nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty TNHH L. Do đó trong trường hợp Công ty TNHH L không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự

phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3094/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3094/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3095/17/HĐBĐ-213 ngày 02/3/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3096/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3096/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3097/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị phương tiện vận tải số 3107/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 và 01 phụ lục đính kèm hợp đồng thế chấp.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH L nộp 600.000 đồng. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M đã nộp tạm ứng trước nên buộc Công ty TNHH L hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc Công ty TNHH L nộp toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại. *Tiền án phí được tính như sau: {112.000.000 đồng + (0,1% x 21.497.914.475 đồng)} = 133.497.914 đồng.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các 318, khoản 7 Điều 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH L trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M số tiền gốc: 22.999.999.425 đồng, tiền lãi 2.497.915.050 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 25.497.914.475 đồng (Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm mười bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Kể từ sau ngày 17/5/2019 Công ty TNHH L còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 3389/17/HĐTDHM-DN/213 ngày 02/03/2017, hợp đồng tín dụng hạn mức số 05998/18MN/HĐTD ngày 29/03/2018, cùng các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ:

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/47 ngày 26/02/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/48 ngày 27/02/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/49 ngày 01/03/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/50 ngày 01/03/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3389/17/HĐTDHM-DN/213/ĐNGN-KUNN/PN/51 ngày 02/03/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/06 ngày 04/7/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/07 ngày 06/7/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/08 ngày 09/7/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/09 ngày 10/7/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/10 ngày 11/7/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/11 ngày 12/7/2018,

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 05998/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/12 ngày 19/7/2018,

3. Trường hợp Công ty TNHH L không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3094/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3094/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3095/17/HĐBĐ-213 ngày 02/3/2017,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3096/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3096/17/HĐBĐ-213/PL-01 ngày 29/03/2018,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3097/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017,

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị phương tiện vận tải số 3107/17/HĐBĐ-213 ngày 02/03/2017 và 01 phụ lục đính kèm hợp đồng thế chấp.

Tài sản thế chấp gồm:

-1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 97, tờ bản đồ số 23, diện tích 2457,7m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L, do ông Nguyễn Văn M đứng tên.

-2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 540m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên.

-3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 2, tờ bản đồ số 4, diện tích 657,3m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên.

-4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 467, tờ bản đồ số 4, diện tích 420m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, loại đất sản xuất kinh doanh, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên.

-5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 498, tờ bản đồ số 4, diện tích 1350m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên.

-6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1125, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1126, tờ bản đồ số 4, diện tích 635,7m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-8. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1298, tờ bản đồ số 5, diện tích 1955,2m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-9. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1299, tờ bản đồ số 5, diện tích 98,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-10. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1332, tờ bản đồ số 5, diện tích 747m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-11. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1333, tờ bản đồ số 5, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-12. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1334, tờ bản đồ số 5, diện tích 1823,3m², loại đất sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-13. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1335 tờ bản đồ số 5, diện tích 69,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L, do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất.

-14. Toàn bộ máy móc thiết bị bao gồm: Dây chuyền bóc tách vỏ lúa + dàn lò sấy lúa; Dây chuyền xát trắng đánh bóng gạo, thời điểm đưa vào sử dụng 2005; Dây chuyền xát trắng đánh bóng gạo, thời điểm đưa vào sử dụng 2010; Dây chuyền xát trắng đánh bóng gạo, thời điểm đưa vào sử dụng 2013. Tài sản thể chấp được quản lý tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH L hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: Buộc Công ty TNHH L nộp 133.497.914 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, chín trăm mười bốn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố M 32.724.000 đồng (*Ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001992 ngày 14/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng

mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng